TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Y** **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/ HNGĐ - ST
Ngày 13/ 6/ 2018.
V/v: "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Y, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Quốc Tuấn.

2. Ông Vũ Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Bà Tô Kim Hiên – Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Y, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2018/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc: " *Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24 /2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 12/2018/TB-XX ngày 28 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Hải Y, sinh năm 1991.

ĐKNKTT: Tổ B, xã Minh B, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1979.

ĐKNKTT: Thôn B, xã Minh B, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2018; bản tự khai;các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Hải Y trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hải Y và anh Bùi Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Minh B, thành phốYên Bái, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu say không quan tâm đến cuộc sống gia đình. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng

không khắc phục được. Chị Y và anh T đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay không quan tâm đến nhau. Chị Y xác định tình cảm vợ chồng đã hết. Chị Y đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Anh T, sinh ngày 20/6/2014, hiện nay cháu T đang ở cùng chị Y. Nếu ly hôn, nguyện vọng của chị Y được trực tiếp, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Bùi Văn T vắng mặt, không có lý do.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập anh Bùi Văn T nhiều lần, nhưng anh T cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Y và anh T có đăng ký kết hôn vào ngày 22/01/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Minh B, thành phố Y, tỉnh Yên Bái là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T thường xuyên uống rượu say không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau . Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị Y anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y đối với anh T.

[3]. Về con chung: Chị Y và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 20/6/2014. Xét yêu cầu của chị Y được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1. kể từ khi chị Y và anh T ly thân, cháu T1 vẫn ở cùng chị Y. Do vậy, môi trường sống của cháu T1 không cần thiết phải thay đổi, để cháu T1 có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Cần giữ nguyên tình trạng nuôi con như hiện nay, giao cháu T1 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y và anh T không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Các vấn đề khác.

- Về án phí : Chị Phạm Hải Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV- QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hải Y được ly hôn anh Bùi VănT.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 20/6/2014 cho chị Phạm Hải Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh Bùi Văn T không phải cấp dưỡng nuôi cháu T1 và có quyền nghĩa vụ thăm nom cháu T1 mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Hải Y phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ và số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/000348 ngày 04/4//2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

4. **Về quyền kháng cáo**: Chị Phạm Hải Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Bùi Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Y;
- Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Y;
- Các đương sự;
- UBND xã Minh B, thành phố Y;
- Lưu: Hồ sơ; TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyến